

Số: *155*/BC-THPTTN

Bến Cát, ngày *14* tháng *10* năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác 3 công khai năm học 2019-2020, tình hình thực hiện công khai đầu năm học 2020-2021 và định hướng quản lý công tác 3 công khai của Trường THPT Tây Nam năm học 2020-2021

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Công văn số 1635/SGDĐT-KHTC ngày 29/9/2020 của Sở GDĐT Bình Dương về việc thực hiện báo cáo công tác công khai năm học 2019-2020 và định hướng công tác năm học 2020-2021 theo yêu cầu Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT.

Trường THPT Tây Nam báo cáo Kết quả thực hiện công tác 3 công khai năm học 2019-2020, tình hình thực hiện công khai đầu năm học 2020-2021 và định hướng quản lý công tác 3 công khai của đơn vị năm học 2020-2021 như sau:

Phần thứ nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI NĂM HỌC 2019-2020

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Khái quát số lượng cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV), lớp, học sinh (HS) năm học 2019-2020

1.1. Cán bộ quản lý, giáo viên

Trong năm học 2019-2020, trường có 64 cán bộ, viên chức, nhân viên (39 nữ), cụ thể:

KHỐI VĂN PHÒNG

BGH	KẾ TOÁN	VĂN THƯ	CNTT	GIÁM THỊ	Y TẾ	PHỤC VỤ	BẢO VỆ
3	1	1		2	1	1	2
PHỤ TRÁCH PHÒNG CHỨC NĂNG							
THƯ VIỆN	THIẾT BỊ	P.LÝ	P.HÓA	P.SINH	P.TIN	P.ANH	BTD
1	1	1	1	1		1	1

GIÁO VIÊN DẠY LỚP

TOÁN	LÝ	HÓA	SINH	TIN	VĂN	SỬ
5	5	6	2	3	6	2
ĐỊA	ANH	GDCD	TD	QP	KTCN	KTNN
2	4	2	4	2	2	1

Về trình độ đội ngũ:

Chuyên môn				Chính trị		Tin học			Ngoại ngữ			
Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Trung cấp	Cao cấp	A	B	Cử nhân	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Cử nhân
7	52	1	1	4	1	32	26	3	13	33	8	5

2. Tình hình chất lượng đội ngũ

- CBQL: 03 người, trong đó có 01 trên chuẩn, 02 đạt chuẩn

- Giáo viên: 46 người, trong đó có 06 trên chuẩn, 39 đạt chuẩn, 01 GV trình độ cao đẳng đang học đại học.

Nhìn chung đội ngũ của nhà trường đáp ứng đủ các nhu cầu hoạt động giáo dục trong năm học.

3. Tình hình đầu tư duy tu, sửa chữa, xây mới của nhà trường năm học 2019-2020 (nhà nước đầu tư, xã hội hoá, tài trợ...)

Trong năm học 2019 – 2020, trường không có sửa chữa lớn, chỉ tu sửa nhỏ CSVC và trang thiết bị xuống cấp, hư hao.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA TÌNH HÌNH THỰC HIỆN 03 CÔNG KHAI CỬ NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2019-2020**1. Kết quả**

1.1. Việc thực hiện Biểu mẫu 9 (theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT) về cam kết chất lượng giáo dục của Trường.

Trường đã thực hiện công khai về: Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường, chương trình giáo dục mà nhà trường thực hiện; yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh; các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường; kết quả đánh giá về từng năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (biểu mẫu 9 kèm theo).

1.2. Việc thực hiện Biểu mẫu 10 về công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của Trường

Trường đã thực hiện công khai về: Số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng kết kết quả cuối năm, đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, được công nhận tốt nghiệp, thi đỗ vào đại học, cao đẳng, học sinh nam/học sinh nữ, học sinh dân tộc thiểu số (biểu mẫu 10 kèm theo)

1.3. Việc thực hiện Biểu mẫu 11 (theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT) về công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường

Trường đã thực hiện công khai về: Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định (biểu mẫu 11 kèm theo).

1.4. Việc thực hiện Biểu mẫu 12 (theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT) về công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên của Trường.

Trường đã thực hiện công khai về: Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (biểu mẫu 12 kèm theo)

2. Đánh giá, nhận xét chung tình hình thực hiện 03 công khai của Trường (hình thức, nội dung, chất lượng thông tin công khai? Cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu công tác công khai?).

- Trường thực hiện công khai theo các biểu mẫu quy định, đảm bảo đầy đủ nội dung cần công khai, thông tin công khai đầy đủ.
- Các nội dung công khai được niêm yết tại cơ quan, email GV toàn trường.
- Cơ sở vật chất đáp ứng đầy đủ yêu cầu công tác công khai.

Phần thứ hai

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG KHAI ĐẦU NĂM HỌC 2020-2021 VÀ ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC 3 CÔNG KHAI CỦA TRƯỜNG NĂM HỌC 2020-2021

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG KHAI ĐẦU NĂM HỌC 2020-2021

1. Khái quát tình hình nhà trường đầu năm học 2020 - 2021

1.1. Cán bộ quản lý, giáo viên

Tổng số CB, GV, NV: 63 (39 nữ). Trong đó:

- Ban giám hiệu: 03
- GV dạy lớp: 46
- Phòng chức năng và Bí thư Đoàn: 05
- Khối hành chính: 9
- CBQL: 03 người, trong đó có 01 trên chuẩn, 02 đạt chuẩn
- Giáo viên: 46 người, trong đó có 07 trên chuẩn, 39 đạt chuẩn.

1.2. Học sinh



Khối lớp	Số lớp	Sĩ số	Tuyển mới	Lưu ban	Chuyển đến	Chuyển đi
10	7	269	266	2		
11	7	255		2	1	
12	6	203				
Toàn trường	20	727				

2. Tình hình công khai đầu năm học 2020-2021

Đánh giá việc thực hiện các Biểu mẫu 9,10,11,12 (theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT) của Trường.

Các biểu mẫu 9, 11, 12 có số liệu và thông tin tương đối đầy đủ để thực hiện công khai ngay từ đầu năm học, một số số liệu cuối năm học mới có.

Riêng biểu mẫu 10 về công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của Trường sau khi hết học kỳ và cả năm học mới có đầy đủ số liệu để thực hiện công khai.

Đảm bảo Trường công khai đầy đủ các nội dung trong tháng 9/2021.

II. ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC 3 CÔNG KHAI NĂM HỌC 2020-2021

1. Mục tiêu thực hiện công tác 3 công khai của Trường.

- Thực hiện công khai để người học, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội tham gia giám sát và đánh giá đơn vị theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện công khai nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của đơn vị trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo.

2. Nội dung 3 công khai các theo yêu cầu Biểu mẫu 9, 10, 11, 12 (theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT).

Nội dung 1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a) Cam kết chất lượng giáo dục:

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường, chương trình giáo dục mà nhà trường thực hiện; yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh; các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường; kết quả đánh giá về từng năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (biểu mẫu 9).

b) Chất lượng giáo dục thực tế:

Số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng kết kết quả cuối năm, đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, được công nhận tốt nghiệp, thi đỗ vào đại học, cao đẳng, học sinh nam/học sinh nữ, học sinh dân tộc thiểu số (biểu mẫu 10)

c) Kế hoạch xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian

d) Kiểm định nhà trường:

Công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Nội dung 2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

a) Cơ sở vật chất:

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định (biểu mẫu 11).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (biểu mẫu 12).

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

Nội dung 3. Công khai thu chi tài chính

a) Tình hình tài chính của đơn vị:

Công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với cấp ngân sách nhà nước, đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức nhà nước được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và các văn bản hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

b) Học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo.

c) Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

d) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

đ) Kết quả kiểm toán (nếu có): thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại các văn bản quy định hiện hành về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.



3. Định hướng các giải pháp thực hiện.

- Ra Quyết định Về việc thành lập Ban chỉ đạo và tổ chức thực hiện Quy chế công khai của đơn vị năm học 2020 – 2021, Phân công cụ thể các thành viên thu thập dữ liệu chính xác để thực hiện công khai.

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện Quy chế 3 công khai năm học 2020 – 2021.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (Phòng KHTC);
- Niêm yết;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Trọng Sang

TRƯỜNG THPT TÂY NAM

NỘI DUNG BA CÔNG KHAI TRƯỜNG THPT TÂY NAM

NĂM HỌC 2019 – 2020

(Trích Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân)

Nội dung 1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a) Cam kết chất lượng giáo dục:

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường, chương trình giáo dục mà nhà trường thực hiện; yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh; các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường; kết quả đánh giá về từng năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (biểu mẫu 9).

b) Chất lượng giáo dục thực tế:

Số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng kết kết quả cuối năm, đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, được công nhận tốt nghiệp, thi đỗ vào đại học, cao đẳng, học sinh nam/học sinh nữ, học sinh dân tộc thiểu số (biểu mẫu 10)

c) Kế hoạch xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian

d) Kiểm định nhà trường:

Công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Nội dung 2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

a) Cơ sở vật chất:

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định (biểu mẫu 11).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (biểu mẫu 12).

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

Nội dung 3. Công khai thu chi tài chính

a) Tình hình tài chính của đơn vị:

Công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với cấp ngân sách nhà nước, đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức nhà nước được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà

nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và các văn bản hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách. Thực hiện nghiêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

b) Học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo.

c) Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

d) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

đ) Kết quả kiểm toán (nếu có): thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại các văn bản quy định hiện hành về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường THPT, năm học 2019 - 2020

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10 258	Lớp 11 213	Lớp 12 236
I	Điều kiện tuyển sinh	<ul style="list-style-type: none"> - HS tốt nghiệp THCS, trong độ tuổi tuyển sinh vào lớp 10 thuộc địa bàn các xã, phường của TX Bến Cát và nơi khác. - Tham gia kì thi tuyển sinh lớp 10 THPT do Sở GD&ĐT tổ chức và phải đạt điểm chuẩn vào trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS sinh sống thuộc địa bàn các xã, phường của TX Bến Cát. - HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - HS chuyển trường phải đầy đủ hồ sơ theo quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS sinh sống thuộc địa bàn các xã, phường của TX Bến Cát. - HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - HS chuyển trường phải đầy đủ hồ sơ theo quy định.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở GD&ĐT Bình Dương 		
III	<p>Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình.</p> <p>Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà trường và gia đình có quy chế phối hợp chặt chẽ trong việc quản lí, giáo dục toàn diện học sinh. Duy trì thường xuyên thông tin liên lạc hai chiều giữa nhà trường và gia đình. Hoạt động Ban đại diện CMHS đúng văn bản chỉ đạo hiện hành. Ban đại diện CMHS học sinh trường, lớp họp 3 lần/năm. Ban đại diện trường, lớp có đủ thành phần, cơ cấu theo quy định. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường. Mọi học sinh phải thực hiện tốt nội quy, quy định trong Điều lệ trường THPT, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. - Tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao. 		
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tham gia hoạt động Đoàn, thanh niên, được tham gia vào các hoạt động truyền thống, các hoạt động xã hội. - Được tham gia các phong trào VHVN-TDĐT. Được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ các nguồn đóng góp, Ban đại diện CMHS, kinh phí nhà trường. - Được giao lưu học hỏi giữa các lớp trong trường và giữa các trường trên địa bàn. - Tổ chức hoạt động ngoại khóa nhân các ngày lễ lớn trong năm (20/11, 22/12, 26/3, ...). - Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực, cảnh quang môi trường sư phạm mẫu mực (xanh, sạch, đẹp). - Hưởng ứng và tham gia các phong trào hội thi do Ngành và trường phát động (học sinh giỏi, hội khỏe phù đổng,...). 		